TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 492/2020/HS-PT
Ngày 26 tháng 8 năm 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Ông Đỗ Đình Thanh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thanh Trúc, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thanh Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 172/2020/HSPT-TL ngày 05 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo Danh T do có kháng cáo của bị cáo Danh T và kháng cáo của bà Hoàng Thị T1 là người đại diện hợp pháp của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2020/HS-ST ngày 28/4/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo, không bị kháng nghị:

Danh T, sinh năm 1985 tại tỉnh Kiên Giang, hộ khẩu thường trú: ấp Z, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang; tạm trú: Ấp 1, xã S, huyện T2, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: thợ hồ; trình độ học vấn: 6/12; giới tính: Nam; dân tộc: Khơ me; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; cha tên Danh N, sinh năm 1930 và mẹ tên Thị T3, sinh năm 1946; vợ tên Nguyễn Thị Linh V1, sinh năm 1988; có 02 người con sinh năm 2010 và 2013; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/10/2019 cho đến nay (có mặt).

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Danh T: Bà Nguyễn Thị Xuân M là luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Bị hại:* Trịnh Văn H, sinh năm 1991 (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại H:

1. Ông Trịnh Xuân N1, sinh năm 1959 (cha của bị hại).

Địa chỉ: Xóm 1, thôn B, xã H1, huyện H2, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của ông N1: Ông Trịnh Đức X, sinh năm 1988; địa chỉ: Xóm 1, thôn B, xã H1, huyện H2, tỉnh Thanh Hóa (theo văn bản ủy quyền lập ngày 11 tháng 10 năm 2019); có mặt.

2. Bà Hoàng Thị T1, sinh năm 1958 (mẹ của bị hại) (có mặt).

Địa chỉ: Xóm 1, thôn B, xã H1, huyện H2, tỉnh Thanh Hóa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T1: Ông Nguyễn Văn T4, luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trịnh Đức X, sinh năm 1988; địa chỉ: Xóm 1, thôn B, xã H1, huyện H2, tỉnh Thanh Hóa; (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Danh T và bà Nguyễn Thị Linh V1 là vợ chồng, có 02 con chung tên Danh Nguyễn Huệ C, sinh năm 2010 và Danh Nguyễn Thảo N2, sinh năm 2013, cùng sinh sống tại ấp Z, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Khoảng cuối năm 2018, do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, bà V1 phải vay mượn tiền của nhiều người để trang trải cuộc sống gia đình và sau đó không có khả năng trả nợ, dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên bà V1 giao 02 con cho Danh T nuôi, còn bà đến thị xã (nay là thành phố) T5, tỉnh Bình Dương làm công nhân. Sau đó, Danh T cũng đưa 02 người con đến Ấp 1, xã S, huyện T2, tỉnh Đồng Nai thuê nhà trọ để ở.

Đầu năm 2019, Danh T tìm gặp bà V1 ở phòng trọ tại khu phố H3, phường T7, thị xã (nay là thành phố) T5, tỉnh Bình Dương thì phát hiện bà V1 có quan hệ tình cảm với Trịnh Văn H và hai người đang sống với nhau như vợ chồng tại phòng trọ của bà V1, do ghen tuông nên Danh T đã dùng tay đánh H nhưng không gây thương tích. Sau đó, Danh T nhiều lần nhắn tin vào điện thoại di động của bà V1 có lời lẽ đe dọa với nội dung "một trong ba sẽ có người chết" nhằm mục đích làm cho bà V1 sợ và quay về chung sống với T và 02 con.

Còn H sau khi bị T đánh đã cùng với bà V1 chuyển đến phòng trọ khác tại số 52A/25, khu phố B1, phường B2, thị xã (nay là thành phố) T5, tỉnh Bình Dương (có đăng ký tạm trú, các bút lục 70 - 71) để tiếp tục sống chung và bà V1 đã có thai với H. Khi biết bà V1 có thai với H, T điện thoại khuyên bà V1 phá bỏ thai, về cùng chăm sóc hai con chung với T nhưng bà V1 không đồng ý. Ngày 21/8/2019, bà V1 làm đơn gửi đến Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai để xin ly hôn với T; Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom gửi giấy mời bà V1 và T vào ngày 02/10/2019 đến trụ sở Tòa án để giải quyết ly hôn. Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 01/10/2019, T vào khu bếp trong phòng trọ lấy một

dao bằng kim loại quấn vào bên trong áo mưa kẹp trên baga xe mô tô Yamaha Sirius biển số 68P3 – 1731 rồi điều khiển xe đi đến trước cổng Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại – Dịch vụ V2 thuộc phường B2, thị xã (nay là thành phố) T5, tỉnh Bình Dương đứng đợi H đi làm về. Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, T thấy H điều khiển xe mô tô Yamaha Sirius biển số 59 E1-599.04 đang trên đường về phòng trọ nên T điều khiển xe chạy theo đến trước nhà ông Bùi Quang T6 tại số 06/25, đường B2 15, khu phố B1, phường B2, thị xã (nay là thành phố) T5, tỉnh Bình Dương và ép đầu xe của H vào lề bên phải, T liền dùng tay phải lấy dao từ trong áo mưa ra đâm một nhát trúng vào vùng hông bên trái của H làm H và xe ngã xuống đường, sau đó H vùng dậy chạy vào lề đường được một đoạn thì ngã, nằm sấp xuống mặt đường và được ông T6 cùng người dân xung quanh đưa đến Trung tâm Y tế thị xã (nay là thành phố) T5, tỉnh Bình Dương để cấp cứu nhưng H đã tử vong trước khi vào viện.

Sau khi đâm H, T ném dao tại hiện trường rồi điều khiển xe chạy về phòng trọ. Khoảng 08 giờ 40 phút ngày 02/10/2019, T đến Công an huyện T2, tỉnh Đồng Nai đầu thú và giao nộp 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 68 P3 – 1731.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 (một) dao bằng kim loại dài 30,5 cm, cán dao bằng ống kim loại tròn, lưỡi dao sắc, mũi dao nhọn; 01 (một) chiếc dép kẹp trái màu xanh đen; 01 (một) mũ bảo hiểm; 01 (một) xe mô tô Yamaha Sirius biển số 59E1-599.04; 01 (một) Chứng minh nhân dân tên Danh T; 01 (một) Giấy đăng ký xe mô tô biển số 68P3-1731 tên Danh T.

Kết luận giám định pháp y về tử thi số 771 ngày 04/10/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: nguyên nhân tử vong của nạn nhân Trịnh Văn H là do tác động ngoại lực của vật sắc, nhọn vào mạng sườn trái gây thủng cơ hoành, thủng dạ dày, đứt 2/3 động mạch chủ ngực, chảy mất máu không hồi phục.

Về trách nhiệm dân sự: quá trình điều tra, ông Trịnh Xuân N1 và bà Hoàng Thị T1(là cha mẹ ruột của bị hại) yêu cầu Danh T bồi thường chi phí mai táng 94.050.000 đồng.

Đối với xe mô tô Yamaha Sirius, biển số 59 E1- 599.04, qua điều tra, xác minh xác định người đứng tên chủ sở hữu là ông Lâm Văn Lưu Đ, ông Đ đã bán lại xe mô tô trên cho bà Hoàng Thị L nhưng chưa sang tên. Do bị hại Trịnh Văn H là nhân viên của cửa hàng điện máy do bà L làm chủ nên ngày 01/10/2019, bà L đã giao xe cho H sử dụng làm phương tiện đi lại. Xét thấy, đây là tài sản hợp pháp của bà Hoàng Thị L nên ngày 20/12/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương đã trả lại chiếc xe trên cho bà L.

Xe môtô Yamaha Sirius, biển số 68 P3 – 1731 do Danh T đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe và thuộc quyền sở hữu của T.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 18/2020/HS-ST ngày 28/4/2020 Tòa án

nhân dân tỉnh Bình Dương đã tuyên bố bị cáo Danh T phạm tội "Giết người".

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm e, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt: bị cáo Danh T 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/10/2019.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/5/2020, bà Hoàng Thị T1 là người đại diện hợp pháp của bị hại kháng cáo đề nghị tăng nặng hình phạt đối với bị cáo và buộc bị cáo bồi thường thiệt hại về tổn thất tinh thần với số tiền 149.000.000 đồng. Ngày 11/5/2020 bị cáo Danh T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Danh T và bà Hoàng Thị T1 là người đại diện hợp pháp của bị hại vẫn giữ nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Bị cáo Danh T đã dùng dao nhọn dài 30,5 cm đâm vào mạn sườn bị hại làm bị hại chết. Hành vi của bị cáo có tính chất côn đồ. Án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội giết người có tinh chất côn đồ là đúng quy định pháp luật. Bị cáo thành khẩn khai báo, đầu thú sau khi phạm tội. Bị cáo phạm tội có một phần lỗi của bị hại. Án sơ thẩm xét xử bị cáo 15 năm tù là nặng so với hành vi phạm tội của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm hình phạt cho bị cáo, xử bị cáo với mức án từ 13-14 năm tù.

Đối với kháng cáo của bà T1 đại diện bị hại như đã phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo tăng hình phạt. Về phần bồi thường trách nhiệm dân sự thì bản án sơ thẩm chưa xem xét bồi thường về tổn thất tinh thần cho gia đình bị hại nên buộc bị cáo bồi thường thêm cho gia đình bị hại số tiền 149.000.000 đồng.

*Người bào chữa cho bị cáo trình bày:*Đồng ý với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát giảm hình phạt chọ bị cáo, không chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát cho rằng bị cáo có tính chất côn đồ. Hành vi phạm tội của bị cáo xuất phát từ sự ghen tuông và sợ V1 không về chung sống với bị cáo. Bị cáo ép đầu xe và lấy dao đâm vào vùng hông làm H ngã xuống đường. Bị cáo đã vứt dao đi. Sau khi biết H chết, bị cáo đến đầu thú. Bị cáo luôn thành khẩn khai báo hành vi phạm tội. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội giết người theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự, đề nghị mức án từ 13-14 năm tù, áp dụng tình tiết giảm nhẹ do bị kích động tinh thần theo điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Cha bị hại chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí mai táng là 94.050.000 đồng. Do đó về tội danh xử bị cáo về tội giết người là có căn cứ. Về tình tiết định khung và khung hình phạt thì người

bào chữa không thống nhất bị cáo phạm tội có tính chất côn đồ. Bị cáo có hành vi dùng dao đâm vào bị hại là trái pháp luật phải trừng trị nghiêm khắc, chia sẻ với gia đình bị hại. Bị cáo đã gặp V1 để thuyết phục bà V1 về nuôi con nhưng V1 không đồng ý, nghĩ H chính là nguyên nhân làm cho vợ chồng bị cáo xa cách. Bị cáo gặp bị hại gây thương tích để giằng mặt làm cho bị hại và V1 sợ mà rút đơn ly hôn. V1 thông báo có thai, khuyên V1 phá thai nhưng V1 không đồng ý, nhắn tin làm cho V1 sợ chứ không có mục đích giết người. Bị cáo không kiềm chế được sự tức giận, bị cáo gặp V1 từ 11 giờ 30- 15 giờ 30 theo tài liệu trong hồ sơ để nói chuyện. Bị cáo yêu thương vợ và con, chăm lo cho hai con khi V1 bỏ đi. V1 nộp đơn ly hôn, không muốn quay về chung sống với bị cáo nữa. Bị cáo không nghĩ một nhát dao gây cái chết cho bị hại. Bị cáo chỉ biết năn nỉ bà V1 quay về. Khi nhận giấy triệu tập ly hôn, bị cáo có những hành động thiếu suy nghĩ. Luật sư không đồng ý áp dụng tình tiết côn đồ, đồng ý các tình tiết giảm nhẹ như đại diện Viện kiểm sát trình bày. Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội bộc phát nhất thời, bị cáo còn phải nuôi hai con, cha mẹ bị cáo lớn tuổi. Hai con của bị cáo rất cần sự chăm sóc của cha vì mẹ không chăm sóc hai con, chăm sóc con riêng. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xử bị cáo mức án 07 năm tù.

Bị cáo Danh T trình bày: Khi bị cáo bị bắt, mẹ bị cáo hay tin và qua đời. Bị cáo chấp nhận bồi thường cho gia đình bị hại tiền tổn thất tinh thần theo qui định là 149.000.000 đồng. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T1 trình bày: Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát bị cáo phạm tội có tính chất côn đồ phù hợp quy định pháp luật, phù hợp diễn biến hiện trường. Bị cáo bồi thường cho gia đình bị hại tiền tổn thất tinh thần theo qui định là 149.000.000 đồng là hợp lý. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là không có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ, lời khai, toàn bộ nội dung vụ án. Bị cáo không có chứng cứ mới để giảm nhẹ hình phạt nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bào chữa của luật sư bị cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt xử bị cáo mức án 07 năm tù, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận và không xem xét các lập luận khác của luật sư vì chỉ mang tính chất cá nhân. Toàn bộ nội dung diễn biến việc phạm tội của bị cáo, bà V1 sống với bị hại H. H không biết bà V1 có quan hệ hôn nhân với bị cáo. Khi sự việc vỡ lỡ, phát hiện ra bà V1 có gia đình thì bà V1 đã mang thai. Giữa bị hại và bà V1 chọn giải pháp bà V1 ly hôn. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các mối quan hệ liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Về mặt pháp lý thì bà V1 và bị cáo là vợ chồng, mối quan hệ vợ chồng không hạnh phúc, bà V1 gửi đơn ra Tòa án xin ly hôn nên việc bị cáo níu kéo để gia đình hạnh phúc là không có căn cứ, phải xem xét câu chuyện thực tế giữa V1 - bị hại và V1 - bị cáo. Luật sư của bị cáo cho rằng bị cáo bị tinh thần kích động mạnh nhưng mối quan hệ mâu thuẫn giữa bà V1 và T diễn ra rất lâu, bị cáo đánh de dọa bị hại và nhắn tin. Bị cáo có kế hoạch sẵn, có tính toán,

con dao lấy ở Đồng Nai bộc vào ni lông chờ từ sáng cho đến tối khi bị hại đi làm về. Bị cáo không có hỏi hay trao đổi với bị hại, thấy bị hại chạy thì áp xe vào, thực hiện giết người ngay. Hành vi của bị cáo hung hăn, côn đồ coi thường mạnh sống con người. Nếu cho rằng hành vi của bị cáo có lỗi của bị hại thì xã hội bất ổn vì bị cáo có nhiều biện pháp giải quyết mâu thuẫn này. Pháp luật cũng có quy định cách giải quyết việc vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng. Hành vi của bị cáo man rợ. Bị hại đang đi làm trên đường về, giữa hai người không có sự tương tác để bức xúc. Bị cáo biết trước việc sống chung như vợ chồng của bà V1 và bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết giảm nhẹ tinh thần bị kích động mạnh. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo 15 năm tù không phản án đúng hết hành vi phạm tội của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tăng năng trách nhiệm hình sự, tuyên tử hình bị cáo như gia đình bị hại đề nghị, chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát bồi thường thiệt hại tổn thất tinh thần cho gia đình bị hại 149.000.000 đồng, không chấp nhận quan điểm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bà Hoàng Thị T1 là người đại diện hợp pháp của bị hại trình bày: Thống nhất với ý kiến của người bảo vệ trình bày.

Ông Trịnh Đức X trình bày: Em trai chết tại chỗ, không ai đưa đi cấp cứu. Bị cáo không có ăn năn hối cải, coi thường mạng sống con người, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tử hình bị cáo. Hành động của bị cáo là hành động của một người máu lạnh. Gia đình bị cáo không thăm hỏi gia đình bị hại.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia tranh luận:

Về Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, bị hại tử vong tại chỗ nhưng do cách ghi là ông T6 và người dân có tri hô nhưng bị hại đã tử vong. Bị hại biết dao là hung khí nguy hiểm, đã chuẩn bị dao và đâm vào vùng trọng yếu của cơ thể dẫn đến bị hại chết tại chỗ. Cáo trạng truy tố hành vi bị cáo có tính chất côn đồ là có căn cứ. Khung hình phạt khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự từ 12 năm đến 20 năm, chung thân, tử hình. Bị cáo bị xử ở khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự với mức hình phạt 15 năm tù. Viện kiểm sát thấy hình phạt nặng so với khung hình phạt được quy định. Nguyên nhân hành vi phạm tội của bị cáo có một phần lỗi của bị hại. Bị hại chung sống với vợ của bị cáo dẫn đến vợ bị cáo có thai, nguyên nhân dẫn đến bị cáo ghen tuông. Bị cáo có thể chọn nhiều cách xử sự khác nhưng bị cáo dùng dao đe dọa và giết bị hại là không đúng. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ tinh thần bị kích động do hành vi trái pháp luật của nạn nhân được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Bị cáo đã ra đầu thú, thành khẩn khai báo. Án sơ thẩm áp dụng hai tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho bị cáo, xử bị cáo mức án từ 13-14 năm tù. Đối với phần bồi thường tổn thất tinh thần thì hai bên đồng ý nên ghi nhận bị cáo bồi thường tổn thất tinh thần cho gia đình bị hại là 149.000.000 đồng.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Đồng ý về các tình tiết giảm nhẹ áp dụng đối với bị cáo và bị cáo bồi thường tổn thất tinh thần cho gia đình bị hại là 149.000.000 đồng. Bị cáo giết bị hại do một phần lỗi của bị hại. Bị hại biết bà V1 có chồng nhưng vẫn chung sống như vợ chồng. Bị cáo bị kích động tinh thần là có cơ sở. Bị cáo không muốn ly hôn và mong bà V1 về sống với các con. Bị cáo có gặp bà V1, năn nỉ nhưng bà V1 không đồng ý. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ông Trịnh Đức X trình bày: Bị cáo không có ăn năn hối cải. Một nhát dao giết người không thể coi là vô tình. Đề nghị Hội đồng xét xử tăng năng hình phạt với bị cáo.

Bà Hoàng Thị T1 là người đại diện hợp pháp của bị hại trình bày: Lá đơn của bà V1 trình bày vợ chồng sống mâu thuẫn rất rõ.

Bị cáo Danh T trình bày: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Danh T thừa nhận cái chết của bị hại Trịnh Văn H khoảng 21 giờ 30 phút ngày 01/10/2019 là do bị cáo gây ra. Xuất phát từ mâu thuẫn giữa bị cáo Danh T với vợ của bị cáo là bà Nguyễn Thị Linh V1 và bị hại Trịnh Văn H, cụ thể: do bà V1 có quan hệ tình cảm và chung sống như vợ chồng với bị hại Trịnh Văn H dẫn đến có thai và bà V1 đòi ly hôn với bị cáo nên vào khoảng 21 giờ 30 phút ngày 01/10/2019, bị cáo T có hành vi dùng dao đâm một nhát trúng vào vùng hông bên trái của bị hại H làm bị hại tử vong. Kết luận giám định pháp y xác định: nguyên nhân tử vong của bị hại là do tác động ngoại lực của vật sắc, nhọn vào mạn sườn trái gây thủng cơ hoành, thủng dạ dày, đứt 2/3 động mạch chủ ngực, chảy mất máu không hồi phục.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Danh T và bà Hoàng Thị T1 là người đại diện hợp pháp của bị hại, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[2.1] Về tội danh: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Danh T về tội "Giết người" theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội.

[2.2] Về hình phạt: Hành vi của bị cáo T là đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo T biết rõ hành vi dùng dao là hung khí nguy hiểm đâm vào vùng hông trái của bị hại là trái pháp luật và có khả năng tước đoạt tính mạng của bị hại nhưng chỉ vì mâu thuẫn tình cảm giữa bị cáo với vợ của bị cáo

và bị hại mà bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện ý thức xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến tính mạng của bị hại, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, gây đau thương mất mát cho gia đình bị hại và gây tâm lý hoang mang cho người dân sinh sống tại khu vực.

Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo như bị cáo phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra (bị hại sống như vợ chồng với vợ của bị cáo là bà V1 dẫn đến có thai, đỉnh điểm là do bà V1 có yêu cầu xin ly hôn với bị cáo tại Toà án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai và Toà án đã triệu tập bị cáo với bà V1 đến Toà giải quyết vào ngày 02/10/2019); sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã đến công an đầu thú; bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng với các bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và cũng đủ tác dụng răn đe giáo dục, cải tạo đối với bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T xin giảm nhẹ hình phạt, không chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị T1 là người đại diện hợp pháp của bị hại xin tăng nặng hình phạt, giữ nguyên án sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị hại H là bà Hoàng Thị T1 và ông Trịnh Đức X (đại diện ủy quyền cho ông Trịnh Xuân N1 – cha của bị hại) yêu cầu bị cáo Danh T bồi thường chi phí mai táng 94.050.000 đồng. Bị cáo T đồng ý bồi thường số tiền 94.050.000 đồng theo yêu cầu của người đại diện hợp pháp của bị hại nên Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện của các đương sự là đúng pháp luật.

Bà Hoàng Thị T1 có yêu cầu bị cáo phải bồi thường về tổn thất tinh thần với số tiền 149.000.000 đồng. Đây là yêu cầu hợp lý, có cơ sở theo quy định pháp luật. Bị cáo cũng đồng ý bồi thường khoản tiền này nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện của các bên.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành Phố Hồ Chí Minh đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo đề nghị giảm hình phạt và ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho gia đình bị hại đề nghị tăng hình phạt không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[3] Do không được chấp nhận kháng cáo, bị cáo T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các nội dung khác trong quyết định bản án sơ thẩm không có kháng

cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

Do có bổ sung phần bồi thường về tổn thất tinh thần nên án phí dân sự sơ thẩm bị cáo phải chịu được tính cho đúng quy định.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Danh T xin giảm nhẹ hình phạt và không chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị T1 là người đại diện hợp pháp của bị hại về tăng hình phạt. Giữ nguyên án sơ thẩm.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm e, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt: bị cáo Danh T 15 (mười lăm) năm tù về tội Giết người. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/10/2019.

2. Chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị T1 là người đại diện hợp pháp của bị hại về việc bị cáo bồi thường tổn thất tinh thần cho gia đình bị hại số tiền 149.000.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo bồi thường tổn thất tinh thần cho gia đình bị hại là bà Hoàng Thị T1 và ông Trịnh Xuân N1 số tiền 149.000.000 đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Danh T phải nộp 12.152.500 đồng.

4. Các nội dung khác trong quyết định Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2020/HSST ngày 28/4/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bị cáo Nguyễn Thanh T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- CA tỉnh Bình Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bình

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Đinh Ngọc Thu Hương

Dương (Để tống đạt cho bị cáo) (2);
- Lưu (Án - Trúc).